CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

友聯明堂股份公司

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Signature Not Verified
Ký bởi: TRẦN TUẤN MINH
Ký ngày: 23/1/2019 14:18:11

MỤC LỤC

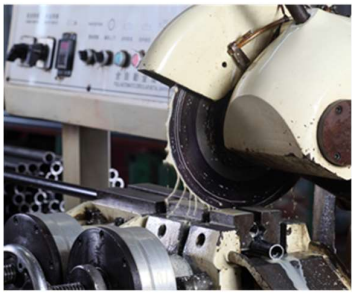

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH 02

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY 03

Thông tin chung 04

Lịch sử hình thành và phát triển 05

Danh mục sản phẩm 08

Thị trường 10

Định hướng phát triển 11

Cơ cấu tổ chức 12

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 13

Giới thiệu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc 14

Báo cáo của Hội đồng Quản trị 20

Báo cáo của Ban Giám đốc 26

Giới thiệu Ban Kiểm soát 31

Báo cáo của Ban Kiểm soát 33

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 41

Quản trị rủi ro 42

Chính sách nguồn nhân lực 47

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 49

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành hàng ống inox.

Cung cấp các sản phẩm ứng dụng thép uy tín và chất lượng nhất.

SỨ MỆNH

Chất lượng sản phẩm thép và uy tín tạo nên tình bằng hữu

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- **Về mặt Nhân sự:** Xây dựng môi trường làm việc năng động, thân thiện và công bằng.
- **Về sản phẩm:** Nói đến sản phẩm của Minh Hữu Liên là nói đến "Chất lượng số 1" trong phân khúc thị trường mục tiêu.
- **Thương hiệu:** Xây dựng thương hiệu của các sản phẩm Minh Hữu Liên trở thành thương hiệu mạnh.
- **Hệ thống quản lý:** Chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất.
- **Văn hóa doanh nghiệp:** Tạo nên sức mạnh tập thể, thúc đẩy mọi người nỗ lực, đóng góp cho hoạt động của công ty.

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Tên Tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
Tên Tiếng Anh:	Minh Huu Lien Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Minh Hữu Liên JSC
Logo:	
Trụ sở chính:	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84 28) 5412 2948
Fax:	(84 28) 5412 2947
Email:	info@minghuulien.com.vn
Website:	www.minghuulien.com.vn
Ngày thành lập:	30/08/2007
Vốn điều lệ:	54.309.230.000 đồng tại thời điểm 30/09/2018
Thời điểm niêm yết:	26/11/2009
Mã cổ phiếu:	MHL
Mã số thuế:	0305173769

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6,5 tỷ đồng và quy mô nhà xưởng với diện tích là 8.131,8 m^2.

2008

Năm 2008 cũng đánh dấu bước phát triển của Minh Hữu Liên ở thị trường xuất khẩu khi đơn hàng đầu tiên về sản phẩm ứng dụng từ thép với nhà bán lẻ Mỹ được ký kết trong năm.

Xây dựng thành công và đưa vào sử dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 với giấy chứng nhận chất lượng số HT1797.08.17 do trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT cấp.

2009

Đặt trụ sở tại địa chỉ R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 7.

Phát hành cổ phiếu và chính thức niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán MHL.

2010

Tăng vốn điều lệ lên 39.763.500.000 đồng.

Tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tập trung vào 3 vấn đề trọng yếu bao gồm: (1) Xây dựng Chiến lược kinh doanh, (2) Xây dựng Chiến lược thương hiệu và (3) Xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp.

2011

Tập trung phát triển chủng loại sản phẩm ứng dụng từ thép: Xe đẩy 2 bánh, xe đẩy 4 bánh, xe công cụ, xe tiện dụng… để chào bán vào kênh siêu thị Metro đồng thời đẩy mạnh doanh số xuất khẩu.

2012

Đầu tư vào sản xuất và kinh doanh ngành hàng ống inox, nâng quy mô doanh nghiệp lên gấp đôi về nhân sự và gấp bốn lần về doanh thu.

2013

Mở rộng phạm vi sản xuất với các loại sản phẩm có kết cấu phức tạp hơn nhằm gia tăng số lượng khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ với mục đích tạo dựng một thương hiệu tin cậy.

2014

Rà soát lại các danh mục sản phẩm nhằm cắt giảm đầu tư vốn và nguồn nhân lực cho những dòng sản phẩm không mang lại lợi nhuận cao và tập trung phát triển vào mảng thương mại, sản xuất.

2015

Đẩy mạnh doanh số sản phẩm ứng dụng từ thép thông qua việc đa dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép với chức năng và kiểu dáng đặc thù để nâng cao giá trị sản phẩm.

Đối với thị trường ống inox còn rất nhiều tiềm năng, bước đầu đã mở rộng thành công thị trường xuất khẩu sang Campuchia, Thái Lan và Ấn Độ.

2016

Năm 2016 là năm Công ty kiểm soát chặt chẽ các chi phí sản xuất, cân đối tồn kho để giảm thiểu rủi ro khi thị trường biến động giá, cũng như đón đầu thị trường nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cụ thể là lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng 20% so với năm 2015.

2017

Công ty tiếp tục tập trung việc phát triển và mở rộng thị phần xuất khẩu bằng cách liên kết với các nhà cung ứng các thị trường Mỹ, Úc và nâng cao năng lực để tiếp cận các khách hàng mới như Lowes, Grainger.

Đối với ngành thép không gỉ, việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với thép không gỉ cán nguội nhập từ Trung Quốc đã tạo cơ hội cho thị trường phát triển, cụ thể là thị trường nội địa phát triển được doanh số khu vực Miền Nam. Tuy nhiên, nguồn ống thép không gỉ nhập khẩu giá rẻ thâm nhập vào thị trường đặc biệt là từ Trung Quốc vv… tạo ra sự cạnh tranh không công bằng với các nhà sản xuất trong nước.

2018

Công ty tiếp tục tập trung việc phát triển khách hàng mới nhằm tăng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu bằng cách cộng tác với các nhà cung ứng các thị trường Mỹ, Canada và nâng cao năng lực để tiếp cận các khách hàng mới như Home Depot, Grainger.

DANH MỤC SẢN PHẨM

Công ty chuyên sản xuất:

- Các sản phẩm cơ khí mang tính tiện dụng cao với nguyên liệu từ sắt thép phục vụ cho nhu cầu vận chuyển, dân dụng thích hợp sử dụng cho gia đình, công ty, nhà máy, bệnh viện và trường học.

- Các sản phẩm luôn được cập nhật những chuẩn mực quốc tế mới do đó mẫu mã, chất lượng không ngừng được nâng cao.

➢ Các sản phẩm ống inox bước đầu giúp công ty tiếp cận được với một lượng khách hàng mới đầy tiềm năng.

Ống Inox chữ D 304

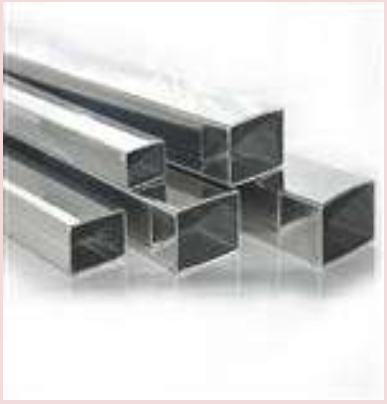

Ống Inox chữ nhật 304

Ống Inox ovan 304

Ống Inox tròn 304

Ống Inox vuông 304

THỊ TRƯỜNG

NGÀNH HÀNG INOX

- Thị trường nội địa: Thương hiệu ống Inox do MHL sản xuất hiện được đánh giá rất cao ở phân khúc cao cấp. Mục tiêu trọng tâm là duy trì ổn định doanh số các nhà phân phối ở Miền Nam và thúc đẩy doanh số khu vực Miền Trung bằng chính sách giá phù hợp với thị trường, đồng thời mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng mới, bắt đầu là ống thép không gỉ đúc.

- Thị trường xuất khẩu: duy trì các thị trường đã phát triển được trong năm qua như Ấn Độ và mở rộng sang Châu Âu.

NGÀNH HÀNG CƠ KHÍ BẰNG SẮT THÉP

- Mỹ vẫn là thị trường chính với 90% doanh số tập trung chủ yếu ở các khách hàng là các nhà bán lẻ hàng đầu với hơn 500 cửa hàng công cụ như Harbor Freight Tools, Lowe's. Home Depot và Northern Tool, … bằng cách tập trung đẩy mạnh việc đa dạng hóa sản phẩm cơ khí bằng sắt thép để tăng sản lượng khách hàng chủ chốt.

- Phát triển thêm các khách hàng mới thông qua việc hợp tác với các đối tác tiềm năng - những người đã thiết lập sẵn mạng lưới phân phối tại Mỹ.

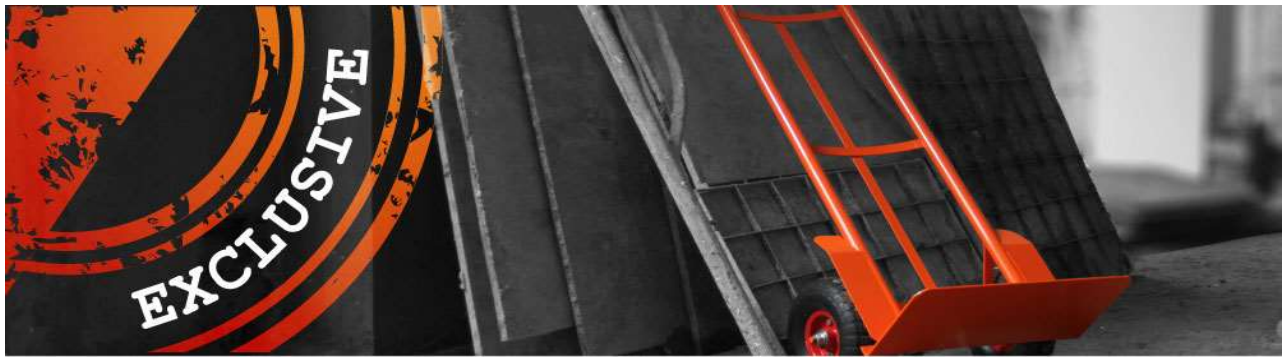

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Những thành công đã đạt được trong thời gian qua là tiền đề cho những kế hoạch phát triển đầy tiềm năng của Công Ty cổ phần Minh Hữu Liên.

NGÀNH HÀNG INOX

- Đối với thị trường xuất khẩu ống Inox: Tiếp cận các thị trường xuất khẩu mới sang Châu Âu, Châu Mỹ
- Đối với thị trường nội địa, chủ yếu duy trì ổn định doanh số và thúc đẩy đưa sản phẩm mới ra thị trường thông qua kênh phân phối hiện có và mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng mới như ống đúc, ống vi sinh.

NGÀNH HÀNG CƠ KHÍ BẰNG SẮT THÉP

- Củng cố doanh số khách hàng truyền thống thông qua các chính sách hỗ trợ bán hàng để gia tăng sản lượng.
- Tập trung đẩy mạnh các sản phẩm cơ khí chính xác có độ phức tạp cao như xe làm vườn hoặc các sản phẩm lắp ráp khác để gia tăng doanh thu khách hàng hiện tại và thu hút thêm các khách mới thông qua kênh hội chợ và các công ty cung cấp dịch vụ cung ứng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

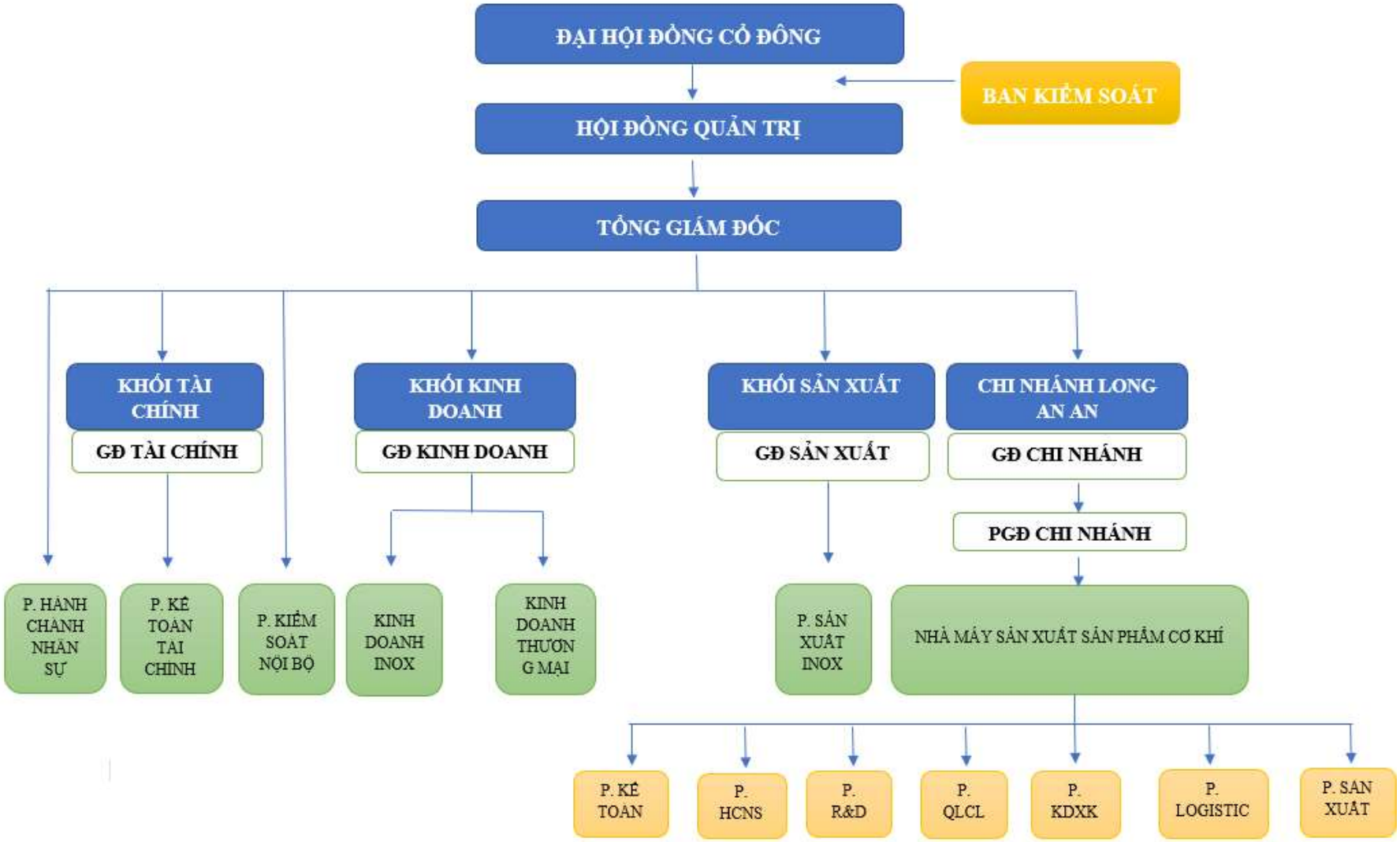

PHẦN 2

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ& BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẮM GIỮ
1	**Trần Tuấn Minh**	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	908.292
2	**Trần Xảo Cơ**	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.682.868
3	**Khưu Kim Hòa**	Thành viên Hội đồng Quản trị (Từ nhiệm 29/03/2018)	0
4	**Lê Tấn Quốc**	Thành viên Hội đồng Quản trị	0
5	**Nguyễn Quang Hải**	Thành viên Hội đồng Quản trị	0

Thành viên và cơ cấu Ban Giám đốc

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẮM GIỮ
1	**Trần Tuấn Minh**	Giám đốc	908.292
2	**Lê Tấn Quốc**	Phó Giám đốc	0

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Ông TRẦN TUẤN MINH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

kiêm Giám đốc

Kỹ sư cơ khí

Năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

CMND: 023543525

Ngày cấp: 23/03/2009

Nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện, Phường 10, Quận 5 , TP. Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(08) 5412 2948 – (08)5412 0781

- Từ 2003 đến 2007 : Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Từ 2007 đến nay : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu; Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
- Từ 06/2008 đến 2015 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Từ 02/2015 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Ông TRẦN XẢO CƠ

Phó chủ tịch Hội đồng Quản trịTrên 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép

Năm sinh: 14/11/1948

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

Số CMND: 021616925

Ngày cấp: 07/10/2003

Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(08) 3877 0062 – (08) 3877 0754

- Từ 1978 – 1981 : Tổ trưởng Tổ sản xuất Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu);
- Từ 1981 – 1989 : Tổ trưởng Hợp tác xã Cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu);
- Từ 1989 – 1991 : Giám đốc xí nghiệp tư doanh cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu);
- Từ 1991 – 1996 : Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe máy,xích băng tải và kinh doanh sắt thép);
- Từ 1996 – 2001 : Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên, thực hiện dự án liên doanh với Công ty Shiuh Cherng (Đài Loan) sản xuất ống thép tại Việt Nam;
- Từ 2001 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu.
- Từ 2007 đến 2015 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
- Từ 05/2015 đến nay: Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Ông LÊ TẤN QUỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị

Phó Giám đốc Kinh doanh inox

Cử nhân

Năm sinh : 27/05/1972

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

Số CMND : 022317855

Ngày cấp: 07/07/2003

Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Nam

Địa chỉ thường trú : 15/9 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc cơ quan: (08) 3877 0062

- Từ 1996 đến 1999 : Nhân viên Xuất Nhập khẩu - Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOVA Group of companies)
- Từ 1999 đến 2006 : Trưởng phòng Xuất Nhập khẩu – Sung Hyun Vina Co., Ltd
- Từ 2007 đến 2009 : Trưởng phòng Dự án – Công ty Cổ phần Đầu tư Trúc Anh
- Từ 2009 đến 2010 : Trưởng phòng KD Inox – Trung tâm gia công POSCO Việt Nam
- Từ 2011 đến 2012 : Trưởng phòng kinh doanh – Công ty TNHH Sản xuất SUNMARK
- Từ 2012 đến nay : Phó giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên
- Từ 02/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quang Hải

Thành viên Hội đồng Quản trị

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Năm sinh : 17/06/1967

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

Số CMND : 022261338

Ngày cấp: 07/10/2009

Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : 36/19 Nguyễn Du, Phường 7, Q. Gò Vấp, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948

- Từ 1990 đến 1999 : Công nhân – Công ty Máy May Sinco
- Từ 1999 đến 2005 : Nhân viên – Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)
- Từ 2007 đến 2008 : Phó phòng Môi giới – Công ty Cổ phần CK Việt Quốc
- Từ 2008 đến 2010 : Phó phòng Môi giới – Công ty Cổ phần CK Nam Việt
- Từ 2012 đến nay : Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty Chứng khoán VN DIRECT
- Từ 02/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

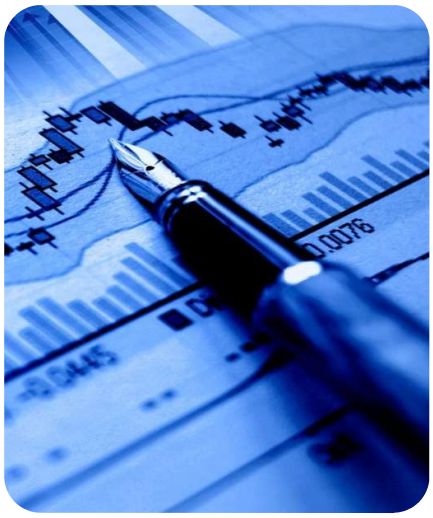

- **Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:**
- Đối mặt với những khó khăn và thách thức của năm 2018, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ Ban Điều hành đưa ra các giải pháp nhằm vượt qua những khó khăn, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh Công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế để đưa ra các quyết định nhằm chỉ đạo định hướng kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc được hoàn thành nhiệm vụ.
- HĐQT đã chỉ đạo việc tập trung sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm, song song với việc tiết kiệm chi phí, thực hiện kiểm tra giám sát công tác đầu tư xây dựng chi nhánh nhà xưởng Công ty Minh Hữu Liên.
- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp nhằm kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện của Ban điều hành, đồng thời trao đổi, bàn bạc, thông qua các chủ trương, phương hướng và nhiệm vụ để giao cho Ban điều hành thực hiện ở các quý tiếp theo.

- **Kết quả thực hiện các mục tiêu chương trình theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.**

  - Theo nghị quyết 29122017/NQ-ĐHĐCĐ/MHL, Công ty không tiến hành việc chi trả cổ tức cho năm tài chính 2018. Phần lợi nhuận giữ lại được bổ sung vốn cho việc vận hành dự án nhà xưởng, hoàn thành vào tháng 9/2018.

  - Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 54.309.230.000 đồng lên 79.309.230.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tuy nhiên trong năm 2018, HĐQT vẫn chưa triển khai được phương án phát hành đã thông qua do Công ty chưa tìm kiếm được các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước,

có năng lực tài chính, có khả năng hỗ trợ Công ty trong hoạt động kinh doanh và phù hợp với tiêu chí lựa chọn của Công ty.

- Công ty đã tiến hành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo các nội dung đã được trình và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Về dự án đầu tư chi nhánh nhà xưởng, Hội đồng quản trị đã hoàn thành dự án vào tháng 09/2018 và nhà máy chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10/2018

- **Báo cáo về việc hoàn thành dự án, cụ thể như sau:**

Sau một thời gian triển khai dự án, đến nay dự án đã được hoàn thiện vào tháng 9/2018 và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10/2019.

- Thời gian khởi công dự án : Tháng 10/2017
- Địa điểm xây dựng nhà xưởng: Lô B22, đường Dọc 2 của khu công nghiệp Phú An Thạnh. Lý do lựa chọn khu Công nghiệp Phú An Thạnh là do địa điểm nằm cách trục cao tốc Trung Lương Long Thành Dầu Dây khoảng 3km và có vị trí nằm cách cảng container Cát Lái 46 km nên rất thuận tiện cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa. Bên cạnh đó, Công ty sẽ được xem xét để hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, cụ thể là 2 năm đầu được miễn thuế và 4 năm tiếp theo được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Quy mô dự án : 12,496 m^2
  - Diện tích đất công trình : 7,205 m^2
  - Diện tích cây xanh : 2,846 m^2
  - Diện tích đường nội bộ : 2,445 m^2
- Đơn vị tư vấn thiết kế và giám sát thi công: Công ty CP tư vấn xây dựng tổng hợp Nagecco
- Giám sát thi công : Công ty TNHH tư vấn thiết kế phát triển xây dựng HTC
- Tổng thầu xây dựng: Công ty CP Xây Dựng Việt Đăng
- Dự án với tổng vốn đầu tư là 80 tỷ, đã chính thứ đi vào hoạt động từ tháng 10/2018, trễ hơn kế hoạnh dự kiến 4 tháng do công ty lựa chọn thời điểm di dời để không ảnh hưởng đến các hợp đồng đã ký kết và đảm bảo lượng tồn kho an toàn để duy trì việc giao hàng đúng hạn.

- Hình ảnh văn phòng:

- Hình ảnh phòng mẫu sản phẩm:

- Nhà máy chi nhánh công ty cổ phần Minh Hữu Liên được thiết kế với công suất 46,000 sản phẩm/tháng, tăng 60% so với công suất hiện tại với mục tiêu tập trung phát triển các sản phẩm lắp ráp có ứng dụng cao như lĩnh vực làm vườn và săn bắn, các loại tủ công cụ cho các hãng bảo trì sửa chữa.
- Việc xây dựng một nhà xưởng đạt chuẩn quốc tế như SMETA giúp Công ty tiếp cận được với các khách hàng có yêu cầu khắc khe hơn về chất lượng cũng như các tiêu chuẩn về mặt xã hội, an toàn và sức khỏe nơi làm việc và hệ thống quản lý.

➢ **Tình hình chi trả thù lao của các thành viên HĐQT trong năm 2017**

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các Thành viên hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2018 là 360.000.000 đồng, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT : 120.000.000 đồng (10.000.000 đồng/tháng)
- Thành viên HĐQT : 240.000.000 đồng (5.000.000 đồng/người/tháng)

➢ **Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018**

Hội đồng quản trị đã lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, đơn vị được Công ty Minh Hữu Liên chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.

➢ **Hỗ trợ công tác quản trị điều hành**

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm 2018 vừa qua, Ban Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý các cấp có nhiều nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Kết quả thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị chỉ đạo như sau:

- Công tác phát triển kinh doanh:
  - ➢ Duy trì vận hành tốt các hoạt động sản xuất cốt lõi của công ty nhằm đảm bảo chỉ tiêu doanh thu kế hoạch với kết quả đạt được là 93.52%.

- Không ngừng củng cố và duy trì thị phần, nắm bắt kịp thời những chuyển dịch trong xu hướng thị trường đi đôi nhằm tiếp cận đúng các nhu cầu trọng tâm của các khách hàng tiềm năng.

- Công tác sự kiện của cổ đông: Tổ chức thành công kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 quyết sách nhiều nội dung quan trọng.

Phương hướng nhiệm vụ năm 2019

- **Mục tiêu tổng quát năm 2019**

Trong năm 2019, yếu tố cơ hội và rủi ro cùng song hành do sự mất cân bằng cung cầu từ Trung Quốc và sự mở rộng sản xuất trong khu vực, do đó năm 2019 là một năm phải chú trọng vào quản lý rủi ro. Nhiệm vụ quan trọng của Công ty trong năm 2019 là duy trì mọi mặt hoạt động kinh doanh và mở rộng xuất khẩu nhằm mang lại nguồn ngoại tệ cân đối với nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu giảm rủi ro biến động tỷ giá.

- Phương châm kinh doanh cho năm 2019 là tiếp tục đẩy mạnh tỷ trọng đóng góp của xuất khẩu lên 70% trong cơ cấu kinh doanh khi thị trường xuất khẩu còn rất nhiều tiềm năng.

- Tiếp tục thực hiện công tác di dời các bộ phận sản xuất còn lại.

- **Định hướng về hoạt động kinh doanh:**

1. Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám Đốc, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch của năm tài chính 2019, cụ thể:

- Đối với sản phẩm cơ khí: Tập trung đẩy mạnh các sản phẩm lắp ráp như dòng xe làm vườn do đây là ngành hàng tỷ đô la có nhiều tiềm năng về tăng trưởng

doanh thu khi Minh Hữu Liên hiện là nhà cung cấp duy nhất ở khu vực phía Nam cho việc xuất khẩu các sản phẩm này ra thị trường Mỹ.

Đối với ngành hàng Inox: Duy trì ổn định doanh số trong nước và thúc đẩy đưa sản phẩm mới ra thị trường nội địa thông qua kênh phân phối hiện có, đồng thời tiếp cận các thị trường xuất khẩu mới sang Châu Âu, Châu Mỹ để thay thế thị trường Ấn Độ hiện đang trong giai đoạn điều tra Chống trợ cấp, mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng mới như ống đúc, ống vi sinh.

2. Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1.	**Doanh thu thuần**	**400 tỷ**
2.	**Lợi nhuận sau thuế**	**5 tỷ**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

- **Đặc điểm tình hình năm 2018:**

Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng đầu năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước. Tuy nhiên, theo số liệu của Tổng cục Thống kê trong 9 tháng đầu năm, tình hình kinh tế nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm GDP quý III/2018 ước tính tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng 7,45% của quý I nhưng cao hơn mức tăng 6,73% của quý II, cho thấy nền kinh tế vẫn giữ được đà tăng trưởng. Tính chung 9 tháng năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây.

Cũng do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, nhiều doanh nghiệp khá lo ngại về khả năng giảm tốc của nền kinh tế thế giới, qua đó làm ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ các loại hàng hóa và ngành thép cũng không nằm ngoài xu hướng đó.

Điều này vô hình chung gây sức ép khá lớn lên ngành thép trong nước khi các sản phẩm nội địa bắt buộc phải giảm giá nhằm có thể cạnh tranh với thép Trung Quốc trong khi giá nguyên liệu đầu vào tăng. Do đó kể từ quý cuối 2018, các doanh nghiệp thép đều đã hạ giá bán nhằm có thể cạnh tranh với hàng Trung Quốc, ngoài ra không loại trừ khả năng giá thép có thể sẽ còn tiếp tục biến động kéo dài trong năm 2019.

- **Kết quả thực hiện:**

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau

- Đối với ngành hàng sản xuất sản phẩm cơ khí, Công ty tiếp tục tập trung tăng trưởng doanh thu các khách hàng hiện tại bằng các chương trình trợ giá các sản phẩm xe đẩy chủ lực để duy trì mức tăng trưởng bình quân 3% so với mức tăng của ngành. Trong năm 2018, sản phẩm có mức tăng trưởng đột biến 30% so với năm 2017 là sản phẩm giàn giáo dân dụng do ảnh hưởng từ chính sách tăng thuế nhập khẩu của chính phủ Mỹ đối với sản phẩm ứng dụng thép từ Trung Quốc. Riêng hoạt động tiếp thị sản phẩm, Công ty đã tham gia Hội chợ công cụ, dụng cụ tại Las Vegas, Nevada tại Mỹ vào tháng 5/2018 – tính đến nay đã là năm thứ hai mà công ty có gian hàng triển lãm tại hội chợ này, đây cũng là một minh chứng cụ thể để củng cố độ xác thực về một nhà máy tại Việt Nam, bằng chứng là danh mục khách hàng tiếp xúc tại hội chợ tăng lên đáng kể sau khi họ nhận thấy Kanson tiếp tục trưng bày gian hàng trong 2 năm liên tục.
- Riêng đối với ngành thép không gỉ, mặc dù Bộ Công thương đã áp dụng thuế chống bán phá giá với thép không gỉ cán nguội từ Trung Quốc, Đài Loan, Indonesia và Malaysia nhưng thép không gỉ từ 4 nước này vẫn ồ ạt nhập vào Việt Nam bằng cách này hay cách khác cạnh tranh không công bằng với các nhà sản xuất trong nước. Thị trường ống thép không gỉ trong những năm qua cũng chứng kiến nhiều bất cập trong chính sách thuế nhập khẩu như thuế chống bán phá giá đối với nguyên liệu nhập từ Trung Quốc là 25,35% trong khi thuế nhập khẩu ống thép không gỉ từ Trung Quốc là 0%. Điều này gây bất lợi cho các nhà sản xuất trong nước nói chung và MHL nói riêng.
- Trong bối cảnh kinh tế năm 2018, Ban Giám Đốc Công ty đã theo dõi và kiểm soát để duy trì tốt sản lượng để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu doanh số mà ĐHCĐ đã thông qua:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện 2018/KH 2018
1	Doanh thu thuần	*450 tỷ*	*420.86 tỷ*	*93.52 %*
2	Lợi nhuận sau thuế	*7 tỷ*	*1.87 tỷ*	*26.71%*

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 công ty chỉ thực hiện được 26.71 % kế hoạch, điều này không có gì là quá bất thường khi công ty vẫn nỗ lực đem lại doanh thu cũng như năng suất sản xuất ở mức tốt nhất tuy nhiên lợi nhuận vẫn sụt giảm đáng kể trước sự giảm sút nhu cầu thị trường thép và áp lực từ đầu vào:

- Giá nguyên liệu đầu vào tăng, Giá bán không tăng tương ứng mà còn bị giảm do cạnh tranh thị trường cũng như nhu cầu của thị trường giảm.
- Hợp đồng xuất khẩu trong năm đã ký kết và chốt giá từ cuối năm trước nên nguyên liệu thép tăng ảnh hưởng đến giá vốn tăng và lãi gộp giảm.
- Năm 2018 công ty đã đặt mục tiêu hoàn thành dự án nhà xưởng sản xuất sản phẩm ứng dụng thép, do đó chi phí cho nhà xưởng phát sinh làm tăng chi phí hoạt động của công ty làm lợi nhuận giảm.

2. Nhận xét, đánh giá

Tuy Công ty chưa đạt được kết quả lợi nhuận như kế hoạch nhưng nhìn chung Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, linh động chuyển đổi cơ cấu, mở rộng hoạt động sản xuất sp xuất khẩu và phát triển sản phẩm mới theo xu hướng thị trường để đạt doanh thu tốt nhất.

Phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Theo tình hình thực tế tháng 11/2018, giá các loại nguyên liệu đầu vào sản xuất thép đang giảm nhẹ. Các doanh nghiệp sản xuất sắt thép buộc phải giảm tồn kho và chỉ sản xuất số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu của thị trường để giảm rủi ro. Triển vọng của thị trường thép không gỉ toàn cầu trong năm 2019 được dự báo sẽ tăng do khả năng phục hồi được hỗ trợ bằng các hoạt động đầu tư ở các nền kinh tế phát triển và cải thiện hiệu suất tại các nền kinh tế mới nổi. Nhu cầu thép được dự đoán sẽ tiếp tục khả quan vào năm 2019, tăng 1.4% trên toàn cầu. Nhu

cầu thép không gỉ cho vật liệu xây dựng trong nước cũng được dự báo sẽ tăng liên tục. Tuy nhiên, với việc đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp nước ngoài tăng lên, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ trong nước đang giảm xuống. Mặc dù hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ thu hẹp lại nhưng nhu cầu thép không gỉ được dự báo vẫn tăng theo tỷ lệ tăng trưởng kinh tế.

- Tuy nhu cầu trong nước tăng lên nhưng yếu tố cơ hội và rủi ro cùng song hành do sự mất cân bằng cung cầu từ Trung Quốc và sự mở rộng sản xuất trong khu vực, do đó năm 2019 là một năm phải chú trọng vào quản lý rủi ro. Với phương châm là phát triển bền vững, trong năm tài chính 2019 Công ty tiếp tục chú trọng lĩnh vực sản xuất hàng hoá và mở rộng xuất khẩu nhằm mang lại nguồn ngoại tệ cân đối với nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu giảm rủi ro biến động tỷ giá.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch sản xuất năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu thuần	*400 tỷ*
2	Lợi nhuận sau thuế	*5 tỷ*

- Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2019 của công ty ở mức thấp hơn mong đợi do Nhà máy chi Nhánh của công ty vừa đi vào hoạt động từ tháng 10/2018 và vẫn đang ở giai đoạn khởi động nên cần thời gian ổn định sản xuất do đó việc mở rộng thị trường xuất khẩu ngay trong năm tới là chưa khả thi.
- Một nguyên nhân khác làm ảnh hưởng đến mức lợi nhuận mong muốn của công ty trong năm 2019 là do vốn vay từ đầu tư đất và nhà xưởng làm cho chi phí lãi vay tăng, dẫn đến chi phí hoạt động của nhà xưởng cũng tăng theo quy mô và điều kiện hoạt động của nhà xưởng.

3. Các biện pháp để thực hiện kế hoạch đề ra:

- Tự động hóa dây chuyền sản xuất để giảm phụ thuộc nhân công và cải tiến chất lượng.
- Đối với sản phẩm cơ khí: Tập trung đẩy mạnh dòng sản phẩm cơ khí lắp ráp phục vụ cho ngành làm vườn như xe rải hạt, xe quét lá, xe kéo thùng đa năng do khách hàng hiện tại có mối quan hệ khá tốt với các khách hàng siêu thị như

Home Depot và TSC. Công ty cũng đặt mục tiêu thu hút thêm các khách mới thông qua kênh hội chợ và các công ty cung cấp dịch vụ cung ứng.

- Đối với ngành hàng Inox: Duy trì ổn định doanh số trong nước và thúc đẩy đưa sản phẩm mới ra thị trường thông qua kênh phân phối hiện có, đồng thời tiếp cận các thị trường xuất khẩu mới sang Châu Âu, Châu Mỹ, mở rộng kinh doanh thương mại một số mặt hàng mới như ống đúc, ống vi sinh.
- Lên kế hoạch tài chính hợp lý nhằm đảm bảo nhu cầu dòng tiền cho việc ổn định sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính.
- Theo dõi sát sao tình hình biến động tỷ giá để dự phòng cho các đơn hàng nhập khẩu và giảm sức ép thanh toán.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẮM GIỮ
1	**Nguyễn Thị Hoàng Vân**	Trưởng Ban Kiểm Soát	0
2	**Hồ Thị Huỳnh Giao**	Thành viên Ban Kiểm Soát	1.650
3	**Huỳnh Trung Hiếu**	Thành viên Ban Kiểm Soát	0

Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN

Trưởng Ban Kiểm Soát

Thạc sĩ Kinh tế

Năm sinh : 07/12/1982 Nơi sinh: Kontum

CMND: 233048038 Cấp ngày 22/04/2014 Nơi cấp: CA Kon Tum

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh Quê quán: Kon Tum

Địa chỉ thường trú: 212 Phan Đình Phùng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754

Quá trình công tác

- Từ 2004 – 2009 : Chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán DTL
- Từ 2010 – 2014 : Chuyên viên kiểm soát nội bộ.Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Từ 02/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Minh Hữu Liên

Bà HỒ THỊ HUỲNH GIAO

Thành viên Ban Kiểm Soát

Cử nhân Kế toán Thương mại

Năm sinh: 24/04/1983 Nơi sinh: Cà Mau

CMND: 025809175 Cấp ngày: 03/09/2013 Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Quê quán: Cà Mau

Địa chỉ thường trú: 1090 Âu Cơ, phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – Ext: 308

Quá trình công tác:

- Từ 2006 – 2009 : Nhân viên kế toán – Công ty Cổ phần Thép Nam Kim.
- Từ 2010 đến nay : Chuyên viên kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.
- Từ 02/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.

Ông HUỲNH TRUNG HIẾU

Thành viên Ban Kiểm Soát

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Năm sinh : 26/05/1982 Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

CMND : 023604799 Cấp ngày 04/03/2013 Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 1583/71A Phạm Thế Hiển, P.6, Quận 8, TP.HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 5412 2948 – Ext: 112

Quá trình công tác:

- Từ 2006 – 2007 : Nhân viên – Công ty Cổ phần Niên Giám Điện Thoại Những Trang Vàng
- Từ 2008 đến nay : Công tác tại Công ty Minh Hữu Liên
- Từ 02/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban Kiểm Soát trong năm 2018

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018

1. Nhân sự của Ban kiểm soát:

- Năm 2018 Ban kiểm soát hoạt động gồm 03 thành viên bao gồm:

  Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân Trưởng ban

  Bà Hồ Thị Huỳnh Giao Thành viên

  Ông Huỳnh Trung Hiếu Thành viên

- Dựa trên cơ sở các quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên chuyên trách những nội dung phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn nên đã hoàn thành nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2018 theo Điều lệ Công ty.
- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện trong hạn mức đúng quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Ban Kiểm Soát	168.000.000	168.000.000

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 phiên họp định kỳ để phân công nhiệm vụ ngoài ra còn thường xuyên trao đổi để triển khai hoạt động giám sát theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Cụ thể như sau:

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ tham dự
1	01.2018/BKS		+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của HĐQT; + Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT từ tháng 10/2017 đến 03/2018; + Xem xét báo cáo soát xét giữa kỳ và thực hiện kế hoạch kiểm soát của Ban kiểm soát; + Xem xét tiến độ thực hiện dự án đầu tư chi nhánh nhà xưởng Công ty.	03/03
2	02.2018/BKS		+ Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT từ tháng 04/2018 đến tháng 09/2018; + Kiểm tra báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018; + Thực hiện kế hoạch của Ban kiểm soát; + Chuẩn bị các vấn đề liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.	03/03

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát cử đại diện tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị:
  + Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Hệ thống quản lý của Công ty.
  + Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Xem xét tính phù hợp của các

Quyết nghị được Hội đồng quản trị thông qua trong công tác quản lý, điều hành trong năm 2018.

+ Kiểm tra rà soát lại các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty đã ban hành.

+ Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty. Trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đã đưa ra những nội dung kiến nghị liên quan.

+ Cập nhật, xem xét tiến độ thực hiện thực hiện dự án đầu tư chi nhánh nhà xưởng Công ty và kiểm soát việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của dự án.

+ Xem xét báo cáo tài chính hàng quý, năm trước khi gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội, xem xét kết quả đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

+ Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

+ Thẩm định lại báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2018

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khuôn khổ của Điều lệ Công ty và pháp lý hiện hành. Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.
- Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để triển khai, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các Nghị quyết ban hành trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đúng với chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản trị và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty đều được thông qua với sự nhất trí cao và được thực hiện

nghiêm túc, đáp ứng kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động liên quan khác.

- Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư.
- Trong công tác đầu tư, xây dựng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện dự án đầu tư chi nhánh nhà xưởng Công ty tại Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh Long An. Nhà xưởng đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động trong tháng 10/2018.
- Trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tập trung theo dõi thị trường và có những chỉ đạo, điều hành thích hợp trước biến động của nền kinh tế và thị trường thép trong nước nói riêng và thế giới nói chung. Tuy nhiên, năm 2018 là năm mà các doanh nghiệp ngành thép vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức đặc biệt là từ giá nguyên liệu có diễn biến tăng mạnh kể từ đầu năm nhưng giá bán thành phẩm lại không tăng tương ứng. Vì vậy, mặc dù Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty đã cố gắng rất lớn nhưng hiệu quả kinh doanh không đạt kỳ vọng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã được thông qua.
- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Kết quả giám sát đối với các hoạt động, việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2018

a. Giám sát về thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính

- Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đã nhận được Báo cáo tài chính của Công ty trước khi Công ty nộp lên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.
- Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm, thời kỳ, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng được đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.
- Dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính do Công ty lập cùng với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, Ban Kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:
  + Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.
  + Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty như sau: "*Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam,Chế độ kế toán doanh nghiệpViệt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*".

b. Giám sát về số liệu và kết quả kinh doanh năm 2018 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/09/2018)

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	TH 2018 / KH 2018
1.	Doanh thu thuần	450.00 tỷ	420.86 tỷ	93.52%
2.	Lợi nhuận sau thuế 2017	7.00 tỷ	1.87 tỷ	26.71%

- Doanh thu thuần năm 2018 đạt 93.52% và lợi nhuận sau thế năm 2018 đạt 26.71% so với kế hoạch đã đề ra.
- Nguyên nhân doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2018 không đạt kế hoạch là do:
  + Giá nguyên vật liệu sản xuất thép có diễn biến tăng mạnh kể từ đầu năm.
  + Việc gia tăng công suất trong năm 2017 - 2018 chủ yếu đến từ các doanh nghiệp có thị phần lớn, mức cạnh tranh khá khốc liệt để giữ được thị phần và đẩy mạnh tiêu thụ thông qua chiết khấu, giảm giá bán….vì vậy giá bán trong năm không tăng tương ứng với tỷ lệ tăng của nguyên vật liệu;
  + Mảng xuất khẩu gia tăng nhiều đối thủ cạnh tranh. Do đó, Công ty phải chuyển hướng mở rộng các thị trường mới và những khó khăn ban đầu đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2018.
  + Trong năm 2018, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh

của Công ty. Ban Kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản tri.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2018, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đều thực hiện và tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ. Mọi thông tin điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều được cung cấp cho Ban Kiểm soát nhằm thực hiện tốt vai trò giám sát của mình.
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018, Ban Kiểm soát đều được mời tham dự và tham gia ý kiến đóng góp trong công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty. Những kiến nghị của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị nghiêm túc xem xét và phúc đáp đầy đủ

5. Kết luận và khuyến nghị

a. Kết luận

Trong năm 2018, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát chưa phát hiện thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty, không có đề nghị nào của cổ đông, người lao động gửi đến Ban Kiểm soát. Các hoạt động của Công ty trong năm 2018 đều tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b. Khuyến nghị

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho Cổ đông để quyết định các chính sách điều hành của Công ty. Trong năm 2018, Ban kiểm soát khuyến nghị Công ty thực hiện một số nội dung sau:

- Công ty cần ổn định tổ chức và thống nhất trong quản lý điều hành nhằm phát huy tối đa năng lực hiệu quả của bộ máy điều hành, để có thể nắm bắt được cơ hội kinh doanh hoặc có những phương án đối phó kịp thời trước những diễn biến của thị trường mang lại hiệu quả hoạt động và hạn chế rủi ro trong sản xuất kinh doanh;
- Duy trì phương thức đấu thầu/chào giá cạnh tranh để lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu. Đánh giá các nhà cung cấp và cần có định hướng lựa chọn đối tác có năng lực, uy tín và ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính nhất là trong điều kiện giá cả diễn biến bất thường như hiện nay.
- Huy động vốn ở mức hợp lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn huy động nhằm đảm bảo nhu cầu dòng tiền cho việc ổn định sản xuất kinh doanh và giảm chi phí tài chính. Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi vốn tránh để nợ quá hạn kéo dài ảnh hưởng đến kế hoạch vốn.
- Công ty cần tiếp tục tăng cường năng lực hoạt động công tác kế hoạch, kế toán quản trị: phân tích thông tin thích hợp, thiết lập các cơ sở dữ liệu về định phí và biến phí nhằm đáp ứng các nhu cầu dự báo sớm diễn ra thường xuyên của Công ty, cũng như phục vụ cho quá trình ra các quyết định về giá, sản lượng hay lựa chọn phương án đầu tư.
- Rà soát lại hệ thống chính sách đã ban hành trong Công ty nhằm tránh các rủi ro về pháp lý.
- Sắp xếp bộ máy nhân lực của công ty phù hợp góp phần giảm chi phí cho Công ty. Có chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực hiện tại, nhằm ổn định nhân lực mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm Soát

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty, Ban Kiểm soát đề ra phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty, góp phần vào sự phát triển của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.
- Xem xét thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.
- Giám sát việc thực thi và soát xét các nội dung công bố thông tin của Công ty, đảm bảo tính kịp thời, minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty.

PHẦN 3

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

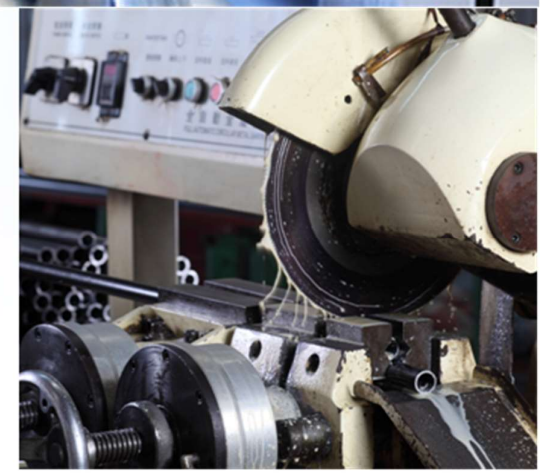

QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Để đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch kinh doanh, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động đối phó với mọi tình huống, diễn biến của thị trường.

Chi phí nguyên vật liệu là chi phí chiếm phần lớn trong giá thành các sản phẩm của công ty, đặc biệt là các nguyên vật liệu nhập khẩu, nguyên liệu inox nên việc cập nhật, phân tích thị trường, xu hướng giá, hạn mức tồn kho, lựa chọn thời điểm mua thích hợp để mua với giá tốt nhất nhằm hạn chế rủi ro về nguyên liệu luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xem xét điều chỉnh cho phù hợp ở từng thời điểm.

Quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất

Trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng rà soát, chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm. Ban Giám đốc luôn yêu cầu bộ phận cung ứng vật tư và kiểm soát chất lượng phối hợp lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu có chất lượng phù hợp, giá cả hợp lý. Đồng thời, bộ phận kiểm soát nội bộ sẽ kiểm tra lại các khoản phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực và minh bạch.

Công ty luôn xây dựng kế hoạch bảo trì sửa chửa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng ổn định, vận hành an toàn và hiệu quả. Chú trọng việc đào tạo và phát triển đội ngũ CBCNV Kỹ thuật – Sản xuất nhằm từng bước nâng cao năng lực, năng suất.

Quản lý rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro về biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro phải thu nợ khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Căn cứ vào doanh thu và nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh nội địa cũng như xuất khẩu, Ban Giám đốc chú trọng việc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để đảm bảo có lãi suất vay bình quân thấp nhất, giảm thiểu tác động rủi ro lãi suất và tỷ giá.

Đối với các khách hàng mới, Công ty yêu cầu bảo lãnh thanh khoản của ngân hàng trước khi có quyết định giao hàng. Đối với các khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính, tài sản đảm bảo, lịch sử, uy tín giao dịch của từng khách hàng và đề xuất của các đơn vị bán hàng, Ban Giám đốc Công ty quyết định xây dựng chính sách công nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, Ban Giám đốc sẽ xem xét lại các hạn mức nợ này, đồng thời đôn đốc các đơn vị bán hàng thu hồi công nợ đúng hạn.

Bộ phận kế toán tài chính có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo dòng tiền hàng tuần để Ban Giám đốc có những biện pháp điều hành linh hoạt, phù hợp.

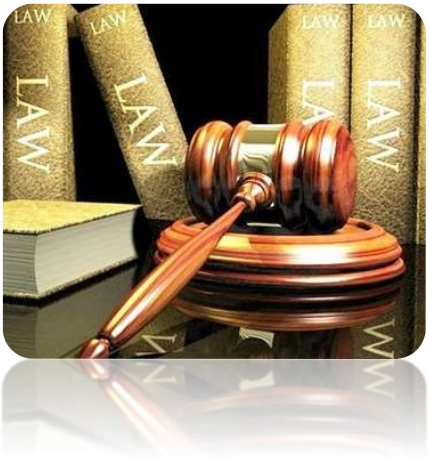

Quản lý rủi ro thay đổi chính sách

Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động quản trị sản xuất của doanh nghiệp. Do đó, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng luôn cập nhật những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu các rủi ro về thay đổi chính sách.

Quản lý rủi ro khác

Để giảm thiểu rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn...Công ty luôn dành khoản chi phí để đào tạo về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy... Đồng thời, mua bảo hiểm rủi ro tai nạn 24/24 cho tất cả CBCNV và bảo hiểm rủi ro cho một số tài sản lớn của Công ty.

CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC

Chính sách đào tạo

Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.

Việc đào tạo nhân lực công ty được thực hiện nội bộ và liên kết với một số đơn vị bên ngoài. Nội dung các khóa học theo sát nhu cầu CBCNV của công ty. Chương trình đào tạo được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành ngay trên các máy móc thiết bị, cũng như trên chính công việc CBCNV đang thực hiện.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo sự hiểu biết và phòng ngừa rủi ro cho người lao động.

Chính sách lương và phụ cấp

Với quan điểm mức lương, thu nhập phải tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường, công ty không ngừng rà soát, đánh giá nhân sự, so sánh năng lực với mức thu nhập, mức lương trên thị trường và tình hình lạm phát để điều chỉnh mức lương hợp lý cho CBCNV.

Thành công xây dựng và áp dụng các chính sách lương doanh số, lương sản phẩm, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, tạo động lực cho CBCNV tích cực phấn đấu, phát huy hết khả năng của mình, mang lại năng suất lao động cao nhất.

Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khuyến khích, khen thưởng cho các CBCNV có sáng kiến cũng như đạt năng suất cao trong công việc.

Các chính sách phụ cấp luôn được Công ty duy trì và cải thiện như phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, công tác phí, phụ cấp điện thoại, xăng xe…Các khoản phụ cấp này là khoản tăng thêm vào thu nhập hàng tháng, tạo động lực làm việc cho CBCNV

Chế độ bảo hiểm

Các CBCNV khi trở thành nhân viên chính thức của công ty đều được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,bảo hiểm thất nghiệp. Công ty Minh Hữu Liên luôn là đơn vị thực hiện tốt công tác bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên.

Trong niên độ tài chính 2016-2017, Công ty tiếp tục điều chỉnh tăng mức đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của chính phủ vào năm 2017.

Chính sách khen thưởng

Chính sách khen thưởng nhằm tôn vinh, động viên kịp thời các cá nhân có thành tích, cống hiến, qua đó khuyến khích mọi cá nhân tập thể phát huy năng lực của mình, phục vụ cho sự phát triển của công ty.

Trong niên độ tài chính 2017-2018, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các chính sách thưởng CBCNV như lương tháng 13, thưởng hiệu quả làm việc, thưởng sáng kiến trong công việc. Các chính sách khen thưởng luôn đảm bảo tính công bằng, xứng đáng cho từng CBCNV.

Các chế độ, chính sách phúc lợi khác

Ngoài việc thực hiện các chính sách về lương, phụ cấp, bảo hiểm, khen thưởng, Công ty còn áp dụng các chế độ như khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ nghỉ mát hàng năm, thưởng nhân dịp Lễ, Tết, cấp phát các thiết bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có các chính sách như mừng sinh nhật, cưới hỏi, tặng quà vào các dịp Tết Thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, kết thúc năm học…để động viên, khuyến khích con em CBCNV tích cực học tập, CBCNV an tâm công tác, đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

PHẦN 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

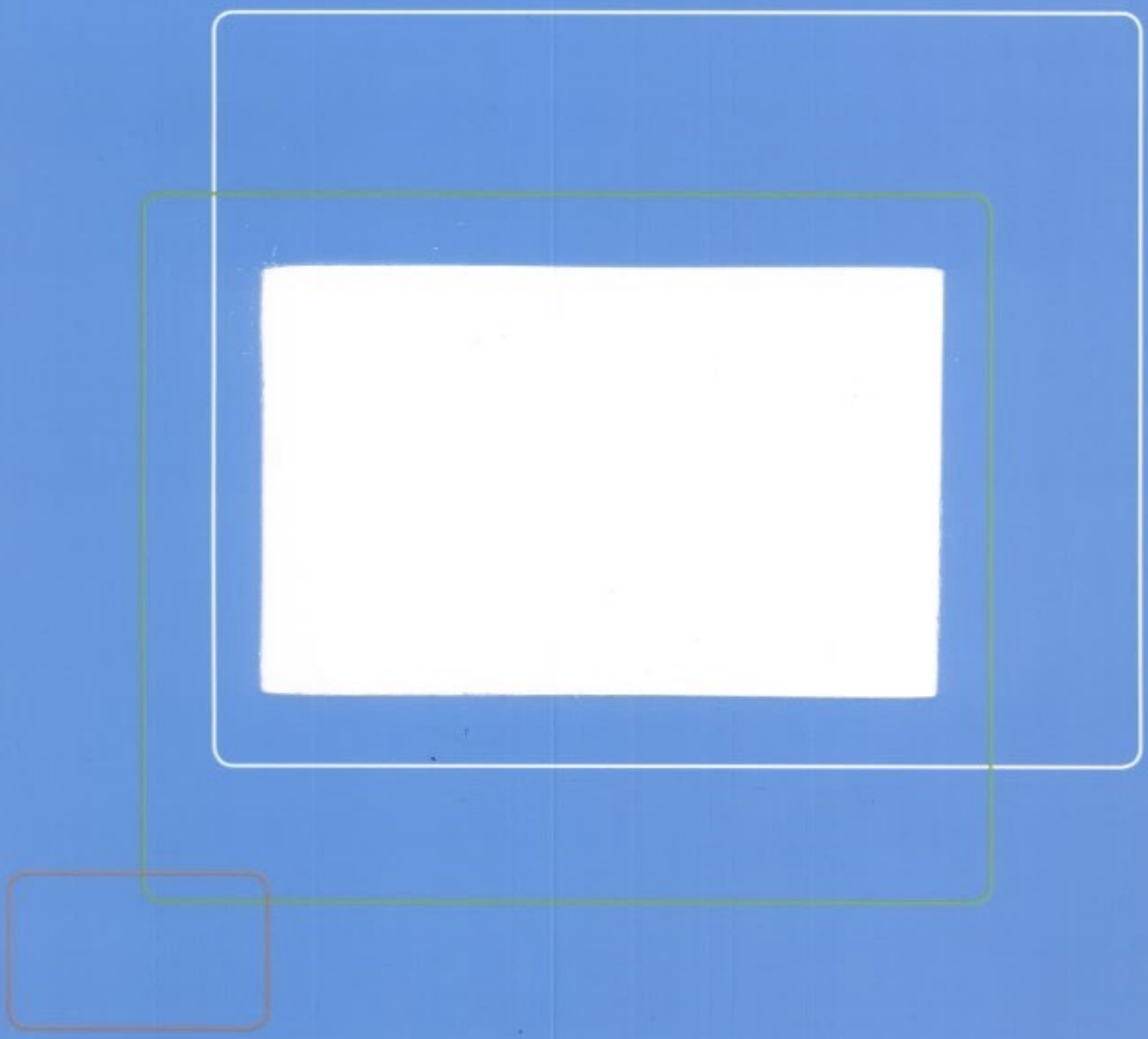

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM

RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên – Từ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Tuấn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng. báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 18.536/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 12 năm 2018 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

RSM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan	**Lộ Nguyễn Thúy Phượng**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0425-2018-026-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1191-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**137.703.807.690**	**149.288.390.001**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3.973.188.573**	**7.109.332.972**
1. Tiền	111	4.1	3.973.188.573	7.109.332.972
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**47.867.852.021**	**59.996.714.548**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	33.544.021.157	42.975.280.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.393.964.584	17.785.807.074
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	13.161.846.064	537.607.051
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.231.979.784)	(1.301.979.784)
III. Hàng tồn kho	**140**		**73.603.383.998**	**68.560.780.277**
1. Hàng tồn kho	141	4.5	73.603.383.998	68.560.780.277
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12.259.383.098**	**13.621.562.204**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	2.056.533.657	2.238.144.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	9.611.922.741	10.792.491.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	590.926.700	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**84.317.456.428**	**29.873.281.918**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**448.840.000**	**448.840.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		448.840.000	448.840.000
II. Tài sản cố định	**220**		**57.553.965.524**	**23.456.653.273**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	57.418.740.646	23.271.639.015
Nguyên giá	222		94.756.911.161	55.030.006.831
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.338.170.515)	(31.758.367.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227		135.224.878	185.014.258
Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(263.090.122)	(213.300.742)
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.419.146.826**	**5.545.034.963**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	2.419.146.826	5.545.034.963
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**23.895.504.078**	**422.753.682**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	23.895.504.078	422.753.682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**222.021.264.118**	**179.161.671.919**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**158.318.501.156**	**116.628.507.871**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**119.666.898.098**	**107.210.593.193**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	47.738.887.015	39.827.639.917
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.585.384.176	749.975.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.053.956.632	1.937.221.523
4. Phải trả người lao động	314		840.849.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.007.525.064	580.175.944
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	64.981.278.473	64.115.580.670
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		459.017.738	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**38.651.603.058**	**9.417.914.678**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	38.651.603.058	9.417.914.678
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**63.702.762.962**	**62.533.164.048**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.12	**63.702.762.962**	**62.533.164.048**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.356.558.615	1.356.558.615
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.912.768.527	6.743.169.613
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.043.169.613	540.672.782
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.869.598.914	6.202.496.831
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**222.021.264.118**	**179.161.671.919**

Trần Tuấn Minh	**Đinh Thị Nguyên Hương**	**Đinh Thị Phương Nga**
Tổng Giám đốc	**Kế Toán Trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	420.918.636.901	467.403.183.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.119.821	32.939.773
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		420.860.517.080	467.370.243.716
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	386.733.532.240	425.904.320.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.126.984.840	41.465.923.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	762.200.407	1.229.728.682
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.539.511.958	6.297.415.470
Trong đó, chi phí lãi vay	23		*6.109.521.102*	*5.301.342.122*
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	15.258.689.714	17.499.433.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	11.437.371.696	10.783.717.576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.653.611.879	8.115.085.440
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.313.909.935	158.124.729
12. Chi phí khác	32		2.646.062	1.352.835
13. Lợi nhuận khác	40		1.311.263.873	156.771.894
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.964.875.752	8.271.857.334
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.095.276.838	1.979.835.480
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.869.598.914	6.292.021.854
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.12.4	221	1.057

Trần Tuấn Minh	**Đinh Thị Nguyên Hương**	**Đinh Thị Phương Nga**
Tổng Giám đốc	**Kế Toán Trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		2.964.875.752	8.271.857.334
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	7.398.443.718	7.016.510.557
Các khoản dự phòng	03		(70.000.000)	(140.239.599)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(21.108.160)	(202.183.041)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.203.694.720)	(9.003.583)
Chi phí lãi vay	06	5.4	6.109.521.102	5.301.342.122
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**15.178.037.692**	**20.238.283.790**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.379.430.838	(27.176.445.227)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.042.603.721)	12.075.890.844
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.595.613.711	2.570.659.541
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(23.291.139.601)	269.153.929
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.109.521.102)	(5.301.342.122)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(979.707.660)	(3.190.605.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(241.282.262)	(958.234.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**4.488.827.895**	**(1.472.638.975)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.369.867.832)	(11.381.219.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.197.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.694.720	9.003.583
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(37.166.173.112)**	**(11.372.216.012)**

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	338.404.290.479	320.809.208.239
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(308.884.077.573)	(309.834.898.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**29.520.212.906**	**10.974.310.180**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**(3.157.132.311)**	**(1.870.544.807)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**7.109.332.972**	**8.901.447.120**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.987.912	78.430.659
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**	4.1	**3.973.188.573**	**7.109.332.972**

Trần Tuấn Minh	**Đinh Thị Nguyên Hương**	**Đinh Thị Phương Nga**
Tổng Giám đốc	**Kế Toán Trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 13 tháng 09 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 là 244 người (30 tháng 09 năm 2017 là: 264).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 09 năm 2018 gồm:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 09 năm nay (dưới đây gọi tắt là "Năm nay").

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

lương tháng 13. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 7671307206 do Ban quản lý khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 12 năm 2017 và thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 08 năm 2018, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới là dự án: Nhà máy chi nhánh Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên – Long An.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Bán nội địa: 10%
- Xuất khẩu: 0%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Tiền mặt	914.017.424	734.631.845
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.059.171.149	6.374.701.127
Cộng	**3.973.188.573**	**7.109.332.972**

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Harbor Freight Tools	8.816.389.438	10.430.894.880
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	2.082.629.950	4.404.283.067
Các khách hàng khác	22.645.001.769	28.140.102.260
Cộng	**33.544.021.157**	**42.975.280.207**

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	822.239.157	-	434.148.551	-
Thuế GTGT chờ được hoàn	12.291.906.909	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	47.699.998	-	103.458.500	-
Cộng	**13.161.846.064**	**-**	**537.607.051**	**-**

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.231.979.784	-	1.301.979.784	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2018 VND			Tại ngày 01/10/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.064	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	224.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	425.742.680	-	> 3 năm	495.742.680	-	> 3 năm
Cộng	**1.231.979.784**	**-**		**1.301.979.784**	**-**	

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.012.059.613	-	27.841.307.289	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	546.730.050	-	1.604.611.739	-
Thành phẩm	44.421.233.522	-	32.957.637.820	-
Hàng hóa	10.623.360.813	-	6.157.223.429	-
Cộng	**73.603.383.998**	**-**	**68.560.780.277**	**-**

Giá trị hàng tồn kho cuối năm là 44.087.568.262 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay - Xem thêm mục 4.11.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nhà xưởng thuộc dự án mở rộng nhà xưởng tại Long An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2017	775.086.961	49.737.042.672	4.044.550.996	473.326.202	55.030.006.831
Mua trong năm	37.470.853.812	3.467.447.612	557.454.545	-	41.495.755.969
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.660.633.456)	-	(108.218.183)	(1.768.851.639)
Tại ngày 30/09/2018	**38.245.940.773**	**51.543.856.828**	**4.602.005.541**	**365.108.019**	**94.756.911.161**
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2017	302.706.656	29.667.388.694	1.355.069.783	433.202.683	31.758.367.816
Khấu hao trong năm	106.537.272	6.640.339.054	577.793.004	23.985.008	7.348.654.338
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.660.633.456)	-	(108.218.183)	(1.768.851.639)
Tại ngày 30/09/2018	**409.243.928**	**34.647.094.292**	**1.932.862.787**	**348.969.508**	**37.338.170.515**
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2017	472.380.305	20.069.653.978	2.689.481.213	40.123.519	23.271.639.015
Tại ngày 30/09/2018	**37.836.696.845**	**16.887.420.536**	**2.669.142.754**	**16.138.511**	**57.418.740.646**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 30.213.210.591 VND đã được dùng thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.081.625.030 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	600.568.464	633.216.590
Chi phí thuê nhà	175.000.000	312.500.000
Các khoản khác	1.280.965.193	1.292.427.862
Cộng	**2.056.533.657**	**2.238.144.452**
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm mục 8	22.606.108.616	-
Công cụ dụng cụ	604.070.369	242.351.747
Các khoản khác	685.325.093	180.401.935
Cộng	**23.895.504.078**	**422.753.682**

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 30/09/2018 là 22.606.108.616 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	217.306.000	217.306.000	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	28.839.981.694	28.839.981.694	18.074.253.847	18.074.253.847
Công ty TNHH Posco Việt Nam Holdings - CN Đồng Nai	3.831.832.607	3.831.832.607	10.363.381.959	10.363.381.959
Phải trả cho các đối tượng khác	14.849.766.714	14.849.766.714	11.390.004.111	11.390.004.111
Cộng	**47.738.887.015**	**47.738.887.015**	**39.827.639.917**	**39.827.639.917**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	1.277.398	1.277.398	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.849.217.361	1.095.276.838	979.707.660	-	1.733.648.183
Thuế thu nhập cá nhân	-	201.070.091	408.856.029	407.690.098	-	199.904.160
Các loại thuế khác	590.926.700	-	-	-	590.926.700	-
Cộng	**590.926.700**	**2.053.956.632**	**1.505.410.265**	**1.388.675.156**	**590.926.700**	**1.937.221.523**

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay	60.888.269.109	60.888.269.109	305.307.729.212	307.309.488.777	62.890.028.674	62.890.028.674
Vay dài hạn đến hạn trả	4.093.009.364	4.093.009.364	4.093.009.364	1.225.551.996	1.225.551.996	1.225.551.996
Cộng	64.981.278.473	64.981.278.473	309.400.738.576	308.535.040.773	64.115.580.670	64.115.580.670
Dài hạn:						
Vay	38.651.603.058	38.651.603.058	33.647.771.800	4.414.083.420	9.417.914.678	9.417.914.678
Cộng	38.651.603.058	38.651.603.058	33.647.771.800	4.414.083.420	9.417.914.678	9.417.914.678
Tổng cộng	**103.632.881.531**	**103.632.881.531**	**343.048.510.376**	**312.949.124.193**	**73.533.495.348**	**73.533.495.348**

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (bình quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty. – Xem thêm mục 4.5 và 4.7.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.7 và 4.8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1.Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/10/2016	49.501.710.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.048.192.782	57.030.667.217
Tăng vốn trong năm trước	4.807.520.000	-	-	-	-	(4.807.520.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.292.021.854	6.292.021.854
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	-	-	-	(89.525.022)	(89.525.022)
Số dư tại ngày 01/10/2017	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.743.169.613	62.533.164.048
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.869.598.914	1.869.598.914
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Số dư tại ngày 30/09/2018	**54.309.230.000**	**124.205.820**	**2.294.874.180**	**(2.294.874.180)**	**1.356.558.615**	**7.912.768.527**	**63.702.762.962**

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2.Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	16.784.592.854
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	12.582.920.000	9.082.920.000
Vốn góp của các đối tượng khác	28.397.630.000	28.441.717.146
Cộng	**54.309.230.000**	**54.309.230.000**

4.12.3.Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4.Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.869.598.914	6.292.021.854
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.169.598.914	5.592.021.854
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.288.623	5.288.623
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	**221**	**1.057**

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	19.510,62	192.764,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	69.256.489.044	64.130.468.826
Doanh thu bán thành phẩm	350.805.157.232	402.612.714.663
Doanh thu hoạt động khác	856.990.625	660.000.000
Cộng	**420.918.636.901**	**467.403.183.489**

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.594.858.179	64.600.429.047
Giá vốn của thành phẩm đã bán	315.476.174.061	360.553.891.525
Giá vốn hoạt động khác	662.500.000	750.000.000
Cộng	**386.733.532.240**	**425.904.320.572**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.694.720	9.003.583
Lãi chênh lệch tỷ giá	734.517.775	1.130.643.141
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.987.912	90.081.958
Cộng	**762.200.407**	**1.229.728.682**

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.109.521.102	5.301.342.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá	429.990.856	996.073.348
Cộng	**6.539.511.958**	**6.297.415.470**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.003.553.755	5.276.565.402
Chi phí dụng cụ đồ dùng	969.465.602	1.157.557.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.478.468	136.554.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.541.009.499	9.956.003.718
Các khoản chi phí khác	1.610.182.390	972.751.905
Cộng	**15.258.689.714**	**17.499.433.340**

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.925.748.783	4.547.833.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.446.725.029	1.571.375.193
Chi phí dự phòng	(70.000.000)	(140.239.599)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	582.548.660	552.996.692
Thuế phí, lệ phí	97.753.182	80.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.794.105.726	3.230.308.108
Chi phí bằng tiền khác	660.490.316	941.443.741
Cộng	**11.437.371.696**	**10.783.717.576**

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.197.000.000	-
Thu nhập khác	116.909.935	158.124.729
Cộng	**1.313.909.935**	**158.124.729**

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	364.714.817.495	388.378.149.948
Chi phí nhân công	35.482.939.870	36.050.408.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.398.443.718	7.016.510.557
Chi phí dự phòng	(70.000.000)	(140.239.599)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.284.314.286	15.652.946.453
Chi phí khác bằng tiền	4.024.792.294	2.208.823.266
Cộng	**423.835.307.663**	**449.166.599.281**

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.964.875.752	8.271.857.334
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.511.508.436	1.767.559.666
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(140.239.599)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.476.384.188	9.899.177.401
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.095.276.838	1.979.835.480
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**1.095.276.838**	**1.979.835.480**

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có đầy đủ chứng từ theo quy định, khoản giảm chi phí dự phòng do đã thu hồi được công nợ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	338.404.290.479	320.809.208.239

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(308.884.077.573)	(309.834.898.059)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	270.986	263.507	149.874	203.863	420.861	467.370
Cộng	**270.986**	**263.507**	**149.874**	**203.863**	**420.861**	**467.370**
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	3.142	5.577	30.985	35.889	34.127	41.466
CP không phân bổ					(25.385)	(28.126)
Thu nhập tài chính					762	1.230
Chi phí tài chính					(6.540)	(6.297)
Lợi nhuận trước thuế					2.960	8.273
Thuế TNDN					(1.095)	(1.980)
Lợi nhuận sau thuế					**1.869**	**6.292**

Các thông tin khác

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng	30/09 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng	30/09 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	22.659	31.362	10.885	11.614	33.544	42.976
Tài sản không phân bổ					188.477	136.186
Tổng tài sản					**222.021**	**179.162**
Nợ phải trả của bộ phận	42.244	38.064	5.495	1.764	47.739	39.828
Nợ phải trả không phân bổ					110.580	76.801
Tổng nợ phải trả					**158.319**	**116.629**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	38.370	11.381	-	-	38.370	11.381
Chi phí khấu hao	7.398	7.017	-	-	7.398	7.017

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057, với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 4.8.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	**Mối quan hệ**
1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2018 VND	**Tại ngày 01/10/2017 VND**
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Trả trước cho người bán	-	1.507.011.500
Phải trả người bán – Xem thêm mục 4.9	(217.306.000)	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	**Năm trước VND**
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí gia công	-	466.741.890
Phí thuê kho	11.739.937.724	9.098.799.659
Mua hàng	-	3.911.823

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	**Năm trước VND**
Thù lao Hội đồng quản trị	360.000.000	360.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.049.547.000	944.953.000
Cộng	**1.409.547.000**	**1.304.953.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	168.000.000	168.000.000

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Trần Tuấn Minh	**Đinh Thị Nguyên Hương**	**Đinh Thị Phương Nga**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 236 363 3334
F +84 236 363 3334

RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Số: 04-2018-KT/GDCK-MHL

V/v giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC đến ngày 30 tháng 09 năm 2018 của đơn vị lập và BCTC được kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--------o0o--------

Tp.HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Về việc: Giải trình biến động các chỉ tiêu báo cáo tài chính của đơn vị lập so với báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018

Kính thưa Quý Cơ quan.

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước nếu có biến động từ 5% trở lên.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (mã CK: MHL), trụ sở chính đặt tại R1- 49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh xin được giải trình về sự biến động của chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đến ngày 30 tháng 09 năm 2018 do đơn vị lập và Báo cáo tài chính được kiểm toán

toán, cụ thể:

§ Lợi nhuận sau thuế BCTC được kiểm toán năm 2018:	1,869,598,914	đồng	
§ Lợi nhuận sau thuế BCTC đơn vị tự lập đến ngày 30 tháng 09 năm 2018:	2,166,262,597	đồng	
Chênh lệch:	**(296,663,683)**	**đồng**	
Nguyên nhân do:			
- Các khoản làm tăng lợi nhuận từ:			
+ Tăng doanh thu hoạt động tài chính	84,738	đồng	
+ Tăng thu nhập khác	200	đồng	
+ Giảm giá vốn hàng bán	5,623,579	đồng	
Tổng cộng:	**5,708,517**	**đồng**	**(1)**
- Các khoản làm giảm lợi nhuận từ:			
+ Tăng chi phí tài chính	7,336,553	đồng	
+ Tăng chi phí bán hàng	107,466,000	đồng	
+ Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp	186,444,891	đồng	
+ Tăng chi phí thuế TNDN	1,124,756	đồng	
Tổng cộng:	**302,372,200**	**đồng**	
(1) – (2)	**(296,663,683)**	**đồng**	**(2)**

Trên đây là giải trình của công ty chúng tôi về một vài chỉ tiêu thay đổi tại Báo cáo tài chính đến ngày 30 tháng 09 năm 2018 do đơn vị lập và báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018 do đơn vị kiểm toán phát hành.

Trân trọng,

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Giám đốc

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Số: 01-KT/2018/GDCK-MHL

V/v giải trình báo cáo tài chính được kiểm toán /2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--------o0o--------

Tp.HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Về việc: Giải trình biến động chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2018 so với kiểm toán năm 2017.

Kính thưa Quý Cơ quan.

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước nếu có biến động từ 10% trở lên.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (mã CK: **MHL**), trụ sở chính đặt tại R1- 49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh xin được giải trình về sự biến động của chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2018 so với kiểm toán năm 2017, cụ thể:

§ Lợi nhuận sau thuế BCTC kiểm toán năm 2018:	1,869,598,914	đồng	
§ Lợi nhuận sau thuế BCTC kiểm toán năm 2017:	6,292,021,854	đồng	
Chênh lệch:	**(4,422,422,940)**	**đồng**	
Nguyên nhân do:			
- **Các khoản làm tăng lợi nhuận từ:**			
+ Giảm giá vốn hàng bán	39,170,788,332	đồng	
+ Giảm chi phí bán hàng	2,240,743,626	đồng	
+ Tăng thu nhập khác	1,155,785,206	đồng	
+ Giảm chi phí thuế TNDN	884,558,642	đồng	
Tổng cộng:	**43,451,875,806**	**đồng**	**(1)**
- **Các khoản làm giảm lợi nhuận từ:**			
+ Giảm doanh thu bán hàng và CCDV	46,509,726,636	đồng	
+ Giảm doanh thu hoạt động tài chính	467,528,275	đồng	
+ Tăng chi phí tài chính	242,096,488	đồng	
+ Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp	653,654,120	đồng	
+ Tăng chi phí khác	1,293,227	đồng	
Tổng cộng:	**47,874,298,746**	**đồng**	
(1) – (2)	**(4,422,422,940)**	**đồng**	**(2)**

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC được kiểm toán năm 2018 so với BCTC được kiểm toán năm 2017.

Trân trọng,

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Giám đốc

TRẦN TUẤN MINH